

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Luật Lao động
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Labor Law
1.3 Trình độ đào tạo:	Cử nhân
1.4 Hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	011249
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Thuộc khối kiến thức	Kiến thức ngành
1.8 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	30t
- Thực hành tích hợp	15t
- Tự học:	105t
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Luật/Khoa Kinh tế-Luật
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Lý luận chung nhà nước và pháp luật
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Luật lao động là học phần nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lý nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thỏa ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lý lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, đình công, quản lý nhà nước về quan hệ lao động.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất. Vì vậy, môn học có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và trong hệ thống pháp luật của quốc gia cũng như quốc tế.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành học phần Luật lao động, người học chủ động, tự tin với việc giao kết, quản lý và thực hợp đồng lao động; vận dụng các quy định pháp luật liên quan nhằm bảo vệ cho chính bản thân người lao động hoặc cho doanh nghiệp. Học phần Luật lao

động rèn luyện cho người học kỹ năng đọc, hiểu, viết và nói đúng các thuật ngữ pháp lý liên quan đến lĩnh vực lao động. Đồng thời, học phần này còn rèn luyện cho người học kỹ năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết các tình huống xảy ra trên thực tế. Học phần góp phần hình thành cho người học ý thức về việc chấp hành đúng quy định pháp luật lao động; có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ lao động; tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật lao động khi tham gia các công việc chuyên môn.

3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc và tầm quan trọng của quản trị quan hệ pháp luật lao động;
- Phân tích quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động;
- Đánh giá được các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo dựng mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định.

❖ Kỹ năng:

- Tư vấn pháp lý cho người sử dụng lao động, người lao động, cá nhân và tổ chức khác;
- Soạn thảo được các văn bản quan trọng phục vụ công việc như: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động...;
- Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực lao động;
- Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách - pháp luật lao động;
- Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ lao động;
- Tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật lao động khi thực hiện các công việc chuyên môn;
- Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Ghi nhớ được khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh của Luật lao động; quy định pháp luật về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, giải quyết tranh chấp lao động.
CLO2	Nhận thức được mục đích, ý nghĩa của những quy định của pháp luật về lao động.

CLO3	Phân biệt được đối tượng điều chỉnh của Luật lao động với các ngành luật khác; So sánh được bản chất của hợp đồng lao động và các loại hợp đồng khác; phân biệt được các loại tranh chấp lao động, trình tự thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động theo quy định pháp luật.
CLO4	Phân tích và áp dụng quy định pháp luật để soạn thảo được một bản hợp đồng lao động cơ bản, xây dựng được thang bảng lương theo quy định pháp luật, xây dựng nội quy lao động cho doanh nghiệp. Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật lao động.
Về kỹ năng	
CLO5	Tư vấn cho người sử dụng lao động, người lao động, cá nhân và tổ chức khác về các vấn đề trong lĩnh vực lao động.
CLO6	Vận dụng quy định pháp luật để xử lý các tình huống phát sinh trong quan hệ lao động.
CLO7	Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình, làm việc nhóm, tranh luận và phân biện về một vấn đề cụ thể.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO8	Nâng cao ý thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp trong lao động
CLO9	Say mê nghề nghiệp, không ngừng học hỏi, đổi mới tư duy và kỹ năng giải quyết những vấn đề liên quan đến pháp luật lao động
CLO10	Nâng cao năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
CLO 1			M							
CLO 2			M							
CLO 3			M							
CLO 4			M							
CLO 5							M			
CLO 6							M			
CLO7							M			
CLO8									M	
CLO9									M	
CLO10									M	
Tổng hợp học phần			M				M		M	

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy-học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 1	Chương 1: Tổng quan về Luật lao động 1.1. Khái niệm về Luật lao động 1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động 1.4. Nguồn của Luật lao động	3	1	0	9,5	-GV: Thuyết giảng, phát vấn. - SV nghe giảng, ghi chép những nội dung cần thiết, trao đổi, thảo luận.	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật Lao động và VB hướng dẫn thi hành. - Câu hỏi chuẩn bị: 1. Phân biệt ngành luật lao động với một số ngành luật khác? 2. Phương pháp điều chỉnh bình đẳng và thoả thuận của luật lao động khác với phương pháp bình đẳng và thoả thuận của Luật Dân sự như thế nào?
Tuần 2 và 3	Chương 2: Hợp đồng lao động 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng lao động 2.1. Phân loại hợp đồng lao động 2.3. Giao kết hợp đồng lao động 2.4. Thực hiện, thay đổi, chấm dứt hợp đồng lao động	5	3	0	19	-Thuyết giảng, phát vấn - Thảo luận - Giải quyết tình huống	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi: 1. Hợp đồng lao động gồm những loại nào? Loại hợp đồng nào là có lợi nhất cho người lao động?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy-học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu		
							2. Quy định về thời gian thử việc trong BLLĐ mang lại ý nghĩa gì trong quan hệ lao động? 3. Phân biệt hợp đồng lao động với hợp đồng dân sự?
Tuần 4	Chương 3: Pháp luật về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể 3.1. Đối thoại nơi làm việc 3.2. Thương lượng tập thể 3.2. Thoả ước lao động tập thể	3	1	0	9,5	-Thuyết giảng, phát vấn. - Thảo luận - Giải quyết tình huống	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. - Chuẩn bị câu hỏi Quy định về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể thỏa ước lao động tập thể có ý nghĩa như thế nào trong hoạt động quản lý nhà nước về lao động?
Tuần 5	Chương 4: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 4.1. Khái niệm, ý nghĩa thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 4,2, Các loại thời giờ làm việc 4.3. Các loại thời giờ nghỉ ngơi	3	1	0	9,5	Thuyết giảng Phát vấn Thảo luận Thuyết trình	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi 1. Quy định về thời giờ làm thêm? Trường hợp người lao động không đồng ý làm thêm thì có phù hợp quy định pháp luật không?

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy-học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu		
						Giải quyết tình huống	2. Quy định về thời gian nghỉ hằng năm của người lao động như thế nào? Trường hợp người lao động không muốn nghỉ ngơi thì có thể nhận được tiền lương dành cho những ngày nghỉ này không?
Tuần 6	Chương 5: Tiền lương 5.1. Khái niệm, bản chất của tiền lương 5.2. Chế độ tiền lương 5.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động đối với việc trả lương 5.4. Một số quy định trả lương khác	3	1	0	9,5	Thuyết giảng. Phát vấn Thảo luận Giải quyết tình huống.	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi: Quy định về tiền lương tối thiểu, tiền lương cơ sở mang ý nghĩa như thế nào trong hoạt động quản lý nhà nước về lao động?
Tuần 7	Chương 6: An toàn lao động và vệ sinh lao động 6.1. Khái niệm an toàn lao động, vệ sinh lao động 6.2. Pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động	3	1		9,5	Thuyết giảng. Phát vấn Thảo luận Giải quyết tình huống.	- Đọc giáo trình, Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi: 1. Vai trò và ý nghĩa của quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động? 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên đối

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy-học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu		
							với việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động?
Tuần 8	Chương 7: Kỹ luật lao động và trách nhiệm vật chất 7.1. Kỹ luật lao động 7.2. Trách nhiệm vật chất	3	1	0	9,5	Thuyết giảng. Phát vấn Thảo luận Giải quyết tình huống.	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi 1. Quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động thể hiện thông qua những quyền gì? 2. Hình thức xử lý kỷ luật sa thải cần phải đảm bảo những căn cứ nào? Trình tự tiến hành như thế nào? 3. Việc tham gia của công đoàn trong quá trình xử lý kỷ luật lao động nhằm mục đích gì? 4. Việc bồi thường thiệt hại cho người sử dụng lao động được quy định như thế nào?
Tuần 9 và 10	Chương 8: Giải quyết tranh chấp lao động và đình công 8.1. Tranh chấp lao động	4	4	0	19	Thuyết giảng. Phát vấn Thảo luận	- Đọc Giáo trình - Đọc Bộ luật lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy-học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP					
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu		
	8.2. Đình công					Giải quyết tình huống.	1. Quá trình giải quyết tranh chấp lao động có nhất thiết phải trải qua thủ tục hòa giải không? Vì sao? 2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động được quy định như thế nào? 3. Căn cứ để đánh giá một cuộc đình công là hợp pháp? Hậu quả pháp lý trong trường hợp đình công bất hợp pháp là như thế nào?
Tuần 11	Chương 9: Quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động 9.1. Vai trò của nhà nước trong lao động 9.2. Quản lý nhà nước về lao động 9.3. Thanh tra và xử phạt vi phạm pháp luật lao động Hệ thống ôn tập Kiểm tra	3	2	0	10	Thuyết giảng. Phát vấn Thảo luận Giải quyết tình huống.	Đọc giáo trình Đọc Bộ luật Lao động và VB hướng dẫn thi hành. Chuẩn bị câu hỏi; Vai trò của quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động?
Tổng		30	15	0	105		

6. HỌC LIỆU:

6.1. Tài liệu chính:

- Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật lao động Việt Nam (Tập 1,2)*, PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thuý Lâm (Chủ biên), Nxb. CAND, Hà Nội, 2020.
- Trường Đại học Luật TP.HCM, *Giáo trình Luật lao động*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, TP.HCM, 2022

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Văn bản Luật:

1. Bộ luật lao động năm 2019;
2. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020;
3. Luật công đoàn năm 2012;
4. Bộ luật dân sự năm 2015;
5. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
6. Luật việc làm năm 2013;
7. Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014;
8. Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015;
9. Luật hợp tác xã năm 2012;
10. Luật cán bộ, công chức năm 2008;
11. Luật viên chức năm 2010;
12. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức 2019
13. Nghị định của Chính phủ số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

- Sách, giáo trình:

1. C. Mác, *Lao động làm thuê và tư bản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976;
2. Đỗ Thị Dung, *Pháp luật về quyền quản lý lao động của NSDLĐ ở Việt Nam đình công và giải quyết đình công ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016;
3. Lưu Bình Nhưỡng (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb tư pháp, 2015
4. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, *Báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn năm 2019*, 11/2019
5. Bộ lao động – Thương binh và xã hội, *Tài liệu tham khảo pháp luật lao động nước ngoài*, Nxb Lao động- Xã hội, Hà Nội, 2010

- Trang web:

- [1] [Http://www.Luatvietnam.com.vn](http://www.Luatvietnam.com.vn)
- [2] [Http://www.Vietlaw.gov.vn](http://www.Vietlaw.gov.vn)
- [3] <http://www.nclp.gov.vn>

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần: Sinh viên đi học thường xuyên, không vắng quá 20% số buổi học	- Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với môn học. - Đánh năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	CLO8, CLO9	20%
2	Thảo luận: GV sẽ đưa ra các tình huống thực tế hoặc giả định, SV tiến hành thảo luận theo nhóm. Mỗi nhóm sẽ cử một đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình, GV hoặc các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi hoặc phản biện, nhóm lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.	- Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của SV để giải thích các vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại - Đánh giá được khả năng vận dụng được các kiến thức về luật thương mại để giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động thương mại. - Đánh giá được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm của SV.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	40%
4	Kiểm tra giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 60 phút bằng hình thức trắc nghiệm, bài tập tình huống	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống pháp lý. - Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề thực tế được đưa ra trong bài kiểm tra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	40%
	TỔNG			100%

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
	Đánh giá về kiến thức:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60%

BÀI THI TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN Bài thi 60 phút, bao gồm 24 câu hỏi trắc nghiệm và 1-2 bài tập tự luận về phân tích chính sách kinh tế vĩ mô và tính toán các chỉ số vĩ mô. - Phần trắc nghiệm có 24 câu hỏi trắc nghiệm (mỗi câu 0,25 điểm) nội dung bao quát từ chương 1 đến chương 8, SV chọn đáp án đúng nhất tô vào phiếu trả lời. - Bài tập tự luận : yêu cầu sinh viên vận dụng quy định pháp luật để giải quyết tình huống cụ thể.	- Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động thương mại - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống cụ thể.		
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng phân tích, xử lý các thông tin để giải quyết tình huống. - Đánh giá được khả năng vận dụng được các quy định pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động thương mại. - Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân;	CLO5, CLO6, CLO7	20%
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn. - Đánh giá tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc cập nhật kiến thức mới, nắm bắt kịp thời, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cao trong công việc.	CLO8, CLO9, CLO10	20%
Tổng			100%

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học:

- Sinh viên vào lớp đúng giờ, tham dự đầy đủ các buổi học, tham gia thảo luận nhóm và các hoạt động học tập khác của học phần

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên không nói chuyện, làm việc riêng trong giờ học, tuân thủ quy định của lớp học

8.3 Quy định về học vụ

- Sinh viên vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần
- Sinh viên không tham gia bài kiểm tra giữa kỳ mà không có lý do chính đáng thì bị điểm 0 bài kiểm tra này
- Sinh viên không tham dự kỳ thi cuối kỳ thì bị coi là không hoàn thành học phần

9. HOLISTIC RUBRIC

Bảng Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

Tiêu chí	CDR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu	CLO8, CLO9	50%	Tham dự < 70% số buổi học	Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học	Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học	Tham dự từ 90% số buổi học trở lên.
Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO10	50%	Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học.	Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học.	Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học.

Bảng Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm (hoặc thuyết trình)

Tiêu chí	CĐR	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
			Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
			0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm	CLO7	15%	< 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm	Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm
Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO8	10%	Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả.	Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày trước đám đông	CLO7, CLO10	15%	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe	Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin.	Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc.	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe.
Tương tác/trả lời câu hỏi	CLO2, CLO3, CLO7	30%	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra.
Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	30%	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung.	Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung.

Bảng Rubric đánh giá bài thi giữa kỳ- chiếm 60% điểm quá trình, cuối kỳ-chiếm 60% điểm học phần (Trắc nghiệm + Tự luận)

Tiêu chí	CĐR	Cấu trúc điểm thành phần	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
				Không đạt	Đạt	Tốt	Rất tốt
				0 – 4.9	5.0 – 6.9	7.0 – 8.4	8.5 – 10
Phần trắc nghiệm			50%-60%				
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ nhớ, hiểu (dễ)	CLO1	25%					

Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ vận dụng (trung bình)	CLO2	35%		Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi.	Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi.
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ phân tích (khó)	CLO3	30%					
Các câu hỏi trắc nghiệm ở cấp độ đánh giá (rất khó)	CLO4	10%					
Phần tự luận			40%-50%				
Mức cơ bản	CLO1 CLO2 CLO3	60%					
Mức nâng cao	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO10	40%					

Bảng Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ	Mới bắt đầu	Biết sơ sai	Hiểu sơ bộ	Hiểu căn kẽ	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	6%	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới
CLO2	11%					
CLO3	10%					
CLO4	13%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	10%					
CLO8	10%					
CLO9	10%					
CLO10	10%					
Tổng điểm	100%					

1. Hiệu trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Trưởng khoa Trưởng Bộ môn


TS. Nguyễn Văn Hiến


Phó Trưởng Khoa


Trưởng Bộ môn


TS. Đỗ Thị Đông Hà